BỘ TÀI CHÍNH --------	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------
Số: 15/2021/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2021*

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN, THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công (bao gồm vốn ngân sách nhà nước và vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật) thuộc kế hoạch trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Các loại báo cáo

1. Báo cáo định kỳ: Là báo cáo để đáp ứng yêu cầu thông tin tổng hợp về tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm, được thực hiện theo một chu kỳ xác định và lặp lại nhiều lần, bao gồm báo cáo hằng tháng, hằng năm, giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn.

- Lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 03 tháng tại báo cáo tháng 4 cũng là kết quả thanh toán vốn của quý I năm kế hoạch.

- Lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 6 tháng tại báo cáo tháng 7 cũng là kết quả thanh toán vốn của quý II năm kế hoạch.

- Lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 9 tháng tại báo cáo tháng 10 cũng là kết quả thanh toán vốn của quý III năm kế hoạch.

- Lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng tại báo cáo tháng 01 năm sau năm kế hoạch cũng là kết quả thanh toán vốn của quý IV năm kế hoạch.

2. Báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất: Là báo cáo để đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền, các thông tin báo cáo có tính chuyên sâu về một chủ đề cụ thể hoặc về vấn đề phát sinh đột xuất liên quan đến tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm và phải thực hiện một hoặc nhiều lần trong khoảng thời gian nhất định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chế độ báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm được phân bổ theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn.

2. Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm phải đầy đủ nội dung, chính xác, trung thực, đúng thời hạn quy định tại Thông tư này. Báo cáo cần thuyết minh rõ các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện giao kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư công theo kế hoạch; đề xuất các biện pháp tháo gỡ có liên quan đến công tác quản lý, thanh toán vốn đầu tư công; đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Danh mục dự án (bao gồm dự án đầu tư, nhiệm vụ (dự án hoặc chi phí) chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch), số vốn bố trí cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án, của từng bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các ngân hàng chính sách (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương) và địa phương đảm bảo đúng theo các quyết định giao kế hoạch vốn của cấp có thẩm quyền (bao gồm kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm, kế hoạch bổ sung, kế hoạch kéo dài, kế hoạch điều chỉnh, kế hoạch vốn ứng nếu có).

Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, trường hợp Hội đồng nhân dân các cấp giao tăng so với kế hoạch do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao thì địa phương phải báo cáo rõ nguồn vốn giao tăng và tổng hợp đầy đủ vào báo cáo (cột giao kế hoạch vốn của địa phương tại các biểu mẫu quy định Thông tư này).

Các bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) báo cáo đủ các nguồn vốn đầu tư công do bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý bao gồm nguồn vốn được kiểm soát, thanh toán qua Kho bạc nhà nước các cấp và nguồn vốn do các đơn vị khác được giao kiểm soát, thanh toán theo quy định.

4. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương và địa phương không thực hiện báo cáo đảm bảo đầy đủ nội dung và đúng thời hạn quy định tại Thông tư này, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo, đáp ứng yêu cầu của Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công hằng năm

1. Tên báo cáo: "Báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm...".

2. Nội dung báo cáo:

a) Hằng tháng, các đơn vị báo cáo lũy kế kết quả thanh toán vốn đầu tư công đến hết tháng trước, ước kết quả thanh toán vốn đầu tư công đến hết tháng báo cáo theo từng nguồn vốn của kế hoạch được giao trong năm, kế hoạch vốn các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán trong năm kế hoạch, kế hoạch vốn ứng trước nếu có.

Định kỳ 06 tháng, hằng năm, các đơn vị báo cáo chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương theo nguồn vốn, ngành, lĩnh vực, chương trình theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (sau đây gọi tắt là Nghị định số 40/2020/NĐ-CP).

Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chỉ báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn (vốn trong nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (sau đây gọi tắt là vốn nước ngoài)) của từng chương trình.

b) Đánh giá kết quả đạt được; khó khăn, vướng mắc; nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc dẫn đến chậm thanh toán vốn đầu tư công trong năm; đề xuất giải pháp xử lý, kiến nghị.

3. Cơ quan thực hiện báo cáo

a) Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Kho bạc Nhà nước ở trung ương (sau đây gọi tắt là Kho bạc nhà nước), Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố).

4. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Cơ quan nhận báo cáo là Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Báo cáo của Kho bạc Nhà nước: Cơ quan nhận báo cáo là các bộ, cơ quan trung ương; Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ I, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính),

c) Báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố): Cơ quan nhận báo cáo là Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng năm gửi cơ quan nhận báo cáo theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Hằng tháng: Trước ngày 15 của tháng báo cáo. Đối với báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng, báo cáo trước ngày 15 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

Hằng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 28 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

b) Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố) báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng năm gửi Kho bạc Nhà nước theo thời hạn sau đây:

Hằng tháng: Trước ngày 13 của tháng báo cáo. Đối với báo cáo lũy kế thực tế thanh toán vốn đầu tư công 12 tháng, ước thanh toán 13 tháng, báo cáo trước ngày 13 tháng 01 năm sau năm kế hoạch.

Hằng năm (báo cáo 13 tháng): Trước ngày 20 tháng 02 năm sau năm kế hoạch.

6. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 01/TTKHN ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu số 01a/TTKHN, 01b/TTKHN, 01c/TTKHVU, 01d/TTKHVU.

a) Hằng tháng, đơn vị báo cáo lũy kế kết quả thanh toán vốn đầu tư công đến hết tháng trước, ước kết quả thanh toán vốn đầu tư công đến hết tháng báo cáo theo Biểu số 01a/TTKHN và Biểu số 01c/TTKHVU (nếu có phát sinh ứng trong năm).

Riêng tháng 7, ngoài việc báo cáo tháng theo Biểu số 01a/TTKHN và Biểu số 01c/TTKHVU (nếu có phát sinh ứng trong năm), các đơn vị thực hiện báo cáo lũy kế thanh toán vốn đầu tư công 6 tháng nguồn ngân sách trung ương chi tiết dự án theo Biểu số 01b/TTKHN và tình hình thanh toán, thu hồi vốn ứng trước 06 tháng theo Biểu số 01d/TTKHVU.

b) Hằng năm, đơn vị báo cáo lũy kế thanh toán vốn đầu tư công 13 tháng nguồn ngân sách trung ương chi tiết dự án theo Biểu số 01b/TTKHN và tình hình thanh toán, thu hồi vốn ứng trước theo Biểu số 01d/TTKHVU.

Điều 5. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn

1. Tên báo cáo: “Báo cáo kết quả thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn”.

2. Nội dung báo cáo:

a) Báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn chi tiết danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương theo ngành, lĩnh vực, chương trình. Riêng đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chỉ báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn (trong nước, nước ngoài) của từng chương trình.

- Đối với báo cáo giữa kỳ trung hạn: báo cáo kết quả thanh toán vốn đầu tư công từ đầu kỳ trung hạn đến hết quý II năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Đối với báo cáo cả giai đoạn trung hạn: báo cáo ước kết quả thanh toán vốn từ đầu kỳ trung hạn đến hết năm cuối của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Đánh giá kết quả đạt được; khó khăn, vướng mắc (nếu có); nguyên nhân của những vướng mắc dẫn đến chậm thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn, giai đoạn trung hạn, đề xuất giải pháp xử lý, kiến nghị.

3. Cơ quan thực hiện báo cáo:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Kho bạc Nhà nước, Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố).

4. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Cơ quan nhận báo cáo là Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Báo cáo của Kho bạc Nhà nước: Cơ quan nhận báo cáo là các bộ, cơ quan trung ương; Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư, Vụ I, Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại, Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

c) Báo cáo của Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố): Cơ quan nhận báo cáo là Kho bạc Nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước báo cáo định kỳ giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn gửi cơ quan nhận báo cáo theo thời hạn quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

Giữa kỳ trung hạn: Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Cả giai đoạn trung hạn: Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

b) Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố) báo cáo định kỳ giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn gửi Kho bạc Nhà nước theo thời hạn sau đây:

Giữa kỳ trung hạn: Trước ngày 20 tháng 7 năm thứ 3 của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Cả giai đoạn trung hạn: Trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn.

6. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 02/TTKHTH ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu số 02/TTKHTH.

Điều 6. Báo cáo chuyên đề và báo cáo đột xuất

Để đáp ứng yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền trong chỉ đạo điều hành ngân sách hoặc phục vụ công tác quản lý, điều hành kế hoạch vốn đầu tư công; Bộ Tài chính sẽ có văn bản yêu cầu các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện chế độ báo cáo theo chuyên đề hoặc báo cáo đột xuất.

Kết cấu, nội dung, phương thức, kỳ hạn báo cáo, thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo, nơi nhận báo cáo và các nội dung khác có liên quan sẽ được hướng dẫn tại văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 7. Phương thức gửi, nhận báo cáo

Các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo bằng một trong các phương thức:

1. Báo cáo bằng văn bản điện tử được gửi qua Hệ thống văn bản và Điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ Tài chính hoặc các phương thức khác theo quy định của pháp luật (đồng thời gửi file văn bản qua hệ thống thư điện tử theo địa chỉ dautu@mof.gov.vn).

2. Báo cáo bằng văn bản giấy (đối với các cơ quan, đơn vị chưa thực hiện tiếp nhận và gửi văn bản điện tử).

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong quá trình thực hiện

1. Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Hằng tháng, 06 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn trung hạn, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của các cơ quan đơn vị theo Mẫu số 03/BTC ban hành kèm theo Thông tư này. Thời hạn báo cáo theo đúng quy định tại Điều 45 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công

Căn cứ tình hình báo cáo của các cơ quan đơn vị, nhu cầu quản lý và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính thực hiện báo cáo theo các mẫu biểu khác đảm bảo theo đúng quy định.

b) Tổ chức công khai thông tin tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước hằng tháng của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia và các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tại các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, các chủ đầu tư để tham mưu với Chính phủ về các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn đầu tư của các dự án, đề xuất biện pháp xử lý những sai phạm trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (nếu có).

d) Phân tích đánh giá kết quả thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công của các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương; theo thẩm quyền được giao hoặc tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để phục vụ chỉ đạo điều hành ngân sách.

2. Trách nhiệm của bộ, cơ quan trung ương:

a) Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm theo đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện và tính chính xác của số liệu báo cáo.

b) Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Tài chính; báo cáo tồn tại, khó khăn, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện giao kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư công theo kế hoạch.

Kiến nghị với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ ngành có liên quan về những biện pháp thúc đẩy tiến độ thanh toán vốn đầu tư công và biện pháp xử lý những sai phạm của chủ đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

c) Yêu cầu chủ đầu tư rà soát, đối chiếu số liệu thanh toán vốn các dự án với Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tổng hợp báo cáo cơ quan chủ quản tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công theo quy định.

Trường hợp bộ, cơ quan trung ương với tư cách là cơ quan chủ quản các dự án ODA, vay ưu đãi: Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện hoàn chứng từ phần rút vốn nước ngoài theo phương thức tài khoản đặc biệt đã được kiểm soát chi gửi Bộ Tài chính để ký đơn rút vốn hoàn chứng từ.

d) Chỉ đạo tổ chức kiểm tra các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công theo quy định tại Thông tư này để có biện pháp chỉ đạo chủ đầu tư kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác giao kế hoạch, thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh toán vốn các dự án đầu tư.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Định kỳ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn, hằng năm theo đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả thực hiện và tính chính xác của số liệu báo cáo.

b) Thực hiện chế độ báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Tài chính; báo cáo tồn tại, khó khăn, vướng mắc, các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện giao kế hoạch, thanh toán vốn đầu tư công theo kế hoạch.

Kiến nghị với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ ngành có liên quan về những biện pháp thúc đẩy tiến độ thanh toán vốn đầu tư công và biện pháp xử lý những sai phạm của chủ đầu tư trong việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, vốn tạm ứng theo chế độ (nếu có).

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh với tư cách là cơ quan chủ quản các dự án ODA, vay ưu đãi: Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện hoàn chứng từ phần rút vốn nước ngoài theo phương thức tài khoản đặc biệt đã được kiểm soát chi gửi Bộ Tài chính để ký đơn rút vốn hoàn chứng từ.

c) Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố) và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra các chủ đầu tư, các Ban quản lý về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công, thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công để kịp thời có phương án tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong công tác giao kế hoạch, thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, đặc biệt là công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư, qua đó nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh toán vốn của các dự án đầu tư.

4. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước:

a) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công của các dự án thuộc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý; gửi các bộ, cơ quan trung ương, Bộ Tài chính đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này. Thực hiện báo cáo chuyên đề, báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của Bộ Tài chính.

b) Hướng dẫn, chỉ đạo Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố) thực hiện chế độ báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán các nguồn vốn đầu tư công đảm bảo đúng thời gian, nội dung quy định tại Thông tư này.

c) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính về tính chính xác của số liệu tổng hợp về tình hình thực hiện và thanh toán các nguồn vốn đầu tư công.

5. Trách nhiệm của Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công trên cơ sở kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm được phân bổ cho các chương trình,

dự án đảm bảo đúng ngành, lĩnh vực theo thứ tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 (bao gồm kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm, kế hoạch bổ sung, kế hoạch kéo dài, kế hoạch điều chỉnh, kế hoạch vốn ứng nếu có).

b) Phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố), Sở Kế hoạch và Đầu tư rà soát số liệu vốn kế hoạch, số thanh toán vốn đầu tư công hằng tháng để thống nhất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo đúng quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố) và các đơn vị liên quan kiểm tra các chủ đầu tư, các Ban quản lý dự án về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công; tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải pháp thúc đẩy tiến độ thanh toán các nguồn vốn đầu tư công của các dự án, biện pháp xử lý những sai phạm trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công (nếu có).

6. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước tỉnh (thành phố):

a) Tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công các dự án thuộc địa phương quản lý (sau khi đã rà soát thống nhất số kế hoạch, số thanh toán vốn đầu tư công với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư) và các dự án thuộc bộ, cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Kho bạc Nhà nước, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư theo đúng thời gian và nội dung quy định tại Thông tư này.

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước về tính chính xác của số liệu tổng hợp về tình hình thực hiện, thanh toán các nguồn vốn đầu tư công. Thực hiện rà soát, đối chiếu số liệu thanh toán với cơ quan tài chính, chủ đầu tư để đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời, chính xác.

c) Chỉ đạo Kho bạc Nhà nước cấp huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, chủ đầu tư đối chiếu số liệu báo cáo về kế hoạch vốn trung hạn, hằng năm, số liệu thanh toán các nguồn vốn đầu tư công chi tiết các dự án, kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với quy định.

7. Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thuộc các bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc đơn vị, cấp mình quản lý theo đúng chỉ tiêu báo cáo quy định tại các biểu mẫu tại Thông tư này, gửi cơ quan cấp trên để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2021 và thay thế Thông tư số 82/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Tạ Anh Tuấn

Nơi nhận:
- Ban bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Các Tổng công ty, Tập đoàn kinh tế nhà nước;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ ĐT (400).

MẪU SỐ: 01/TTKHN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: .../BC-….	*...., ngày ...tháng.... năm 20...*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm...

Kỳ báo cáo: Tháng... (hoặc cả năm)

Kính gửi: …….. (đơn vị nhận báo cáo)

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, ... (tên cơ quan báo cáo) báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công tháng.... năm 20... như sau:

I. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công:

1. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch năm:

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: ..., trong đó:

+ Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định (nếu có):...

+ Vốn kế hoạch năm:...

- Lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: ... , đạt ...% so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là:..., đạt ...% kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm là:..., đạt...% kế hoạch giao.

- Ước lũy kế thanh toán vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo:..., đạt ...% so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là:..., đạt ...% kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm là: đạt ...% kế hoạch giao.

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01a/TTKHN (đối với báo cáo hằng tháng); 01a/TTKHN và 01b/TTKHN (đối với báo cáo tháng 7); 01b/TTKHN (đối với báo cáo năm))

2. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi:

2.1. Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước (nếu có).

- Tổng số vốn kế hoạch ứng trước được giao trong năm kế hoạch: ..., trong đó:

+ vốn ứng được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định (nếu có):...

+ Vốn ứng được giao trong năm:...

- Lũy kế thanh toán vốn kế hoạch ứng trước từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề:... , đạt...% so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn ứng thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài là:..., đạt...% kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn kế hoạch năm là:..., đạt...% kế hoạch giao.

- Ước lũy kế thanh toán vốn ứng trước từ đầu năm đến hết tháng báo cáo:..đạt...% so với kế hoạch giao, trong đó:

+ Thanh toán vốn ứng thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài là:..., đạt...% kế hoạch giao;

+ Thanh toán vốn ứng kế hoạch năm là:..., đạt...% kế hoạch giao.

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01c/TTKHVU)

2.2. Kết quả thanh toán vốn ứng trước chưa thu hồi 06 tháng, cả năm:

- Vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi từ năm trước chuyển sang năm báo cáo: ...; lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm trước năm báo cáo:...;

- Vốn kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm báo cáo:...; số vốn đã thanh toán đến hết 06 tháng/ năm báo cáo:...;

- Vốn kế hoạch bố trí thu hồi ứng trước trong năm báo cáo:... số thu hồi trong 06 tháng/ năm báo cáo theo kết quả thanh toán thực tế:...;

- Vốn kế hoạch ứng trước trong năm báo cáo:... số vốn đã thanh toán đến hết 06 tháng/năm báo cáo:...; số vốn kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm sau:...;

- Vốn ứng trước chưa thu hồi chuyển sang thu hồi vào các năm sau:… số vốn đã thanh toán đến hết năm báo cáo:...

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01d/TTKHVU)

II. Nhận xét, đánh giá:

- Đánh giá tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, các kết quả đạt được, so sánh với cùng kỳ năm trước.

- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch năm:

+ Nguyên nhân về cơ chế chính sách.

+ Nguyên nhân về tổ chức thực hiện (triển khai phân bổ kế hoạch vốn, tổ chức bồi thường hỗ trợ tái định cư, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công, chậm thực hiện thủ tục thanh toán qua Kho bạc Nhà nước...).

+ Nguyên nhân khác.

III. Giải pháp và kiến nghị

- Giải pháp của đơn vị để đẩy nhanh thanh toán vốn đầu tư công;

- Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương và các cơ quan có liên quan:

+ Kiến nghị về cơ chế chính sách.

+ Kiến nghị về tổ chức thực hiện (kiến nghị đối với cơ quan quản lý nhà nước, chủ đầu tư…)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

MẪU SỐ: 02/TTKHTH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ BÁO CÁO **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: .../BC-….	*...., ngày ...tháng.... năm 20...*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn; cả giai đoạn trung hạn

Kính gửi: …….. (cơ quan nhận báo cáo)

Thực hiện Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18/02/2021 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư công, ... (tên cơ quan báo cáo) báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn (hoặc cả giai đoạn trung hạn) như sau:

I. Tình hình thực hiện vốn kế hoạch đầu tư công giữa kỳ trung hạn; cả giai đoạn trung hạn:

1. Tình hình giao, phân bổ, điều chỉnh vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ đầu kỳ trung hạn đến năm báo cáo.

- Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao cả giai đoạn: …..

- Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công thực tế được giao đến năm báo cáo...., đạt....% kế hoạch đầu tư công trung hạn cả giai đoạn; trong đó:

+ Năm thứ nhất..... , trong đó:

vốn trong nước.....

Vốn nước ngoài.....

+ Năm thứ hai..... , trong đó:

vốn trong nước.....

Vốn nước ngoài.....

……

2. Vốn kế hoạch đầu tư công giữa kỳ trung hạn và cả giai đoạn trung hạn.

- Lũy kế thanh toán vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn từ đầu kỳ trung hạn đến hết năm báo cáo là....., đạt....% kế hoạch giao, trong đó:

+ Năm thứ nhất..... , đạt....% kế hoạch giao

vốn trong nước...., đạt % kế hoạch giao

Vốn nước ngoài...., đạt % kế hoạch giao

+ Năm thứ hai..... , đạt....% kế hoạch giao

Vốn trong nước...., đạt % kế hoạch giao

Vốn nước ngoài...., đạt % kế hoạch giao

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 02/TTKHTH)

II. Nhận xét, đánh giá:

- Đánh giá tình hình thanh toán vốn đầu tư công, các kết quả đạt được.

- Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân chậm thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch trung hạn:

+ Nguyên nhân về cơ chế chính sách.

+ Nguyên nhân về tổ chức thực hiện.

+ Nguyên nhân khác.

III. Giải pháp và kiến nghị:

- Giải pháp, chính sách cần triển khai đến hết kế hoạch giai đoạn 20...-20…

- Đề xuất, kiến nghị đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và các cơ quan có liên quan./.

(Kèm theo Biểu số 02/TTKHTH)

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
- Như trên;	*(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*
- Các đơn vị liên quan (nếu có);	
- Lưu.	

MẪU SỐ: 03/BTC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../BC-….	*Hà Nội, ngày …tháng…. năm 20...*

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước kế hoạch năm/giai đoạn trung hạn

Kỳ báo cáo: …

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện chế độ báo cáo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Bộ Tài chính báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước ....(kỳ báo cáo) như sau:

I. Về kế hoạch và tình hình phân bổ vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước

II. Kết quả thực hiện và thanh toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước

III. Nhận xét, đánh giá

IV. Giải pháp và kiến nghị

(Báo cáo hằng năm theo Mẫu số 03a/BTC; báo cáo giữa kỳ trung hạn, cả giai đoạn trung hạn theo Mẫu số 03b/BTC).

Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị liên quan (nếu có);
- Lưu.

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục

HƯỚNG DẪN LẬP BIỂU MẪU BÁO CÁO QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

I. Nội dung báo cáo:

1. Tại các biểu số liệu kèm theo các Mẫu báo cáo số 01//TTKHN (Biểu số 01a/TTKHN, 01b/TTKHN, 01c/TTKHVU, 01d/TTKHVU), 02/TTKHTH (Biểu số 02/TTKHTH); các bộ, cơ quan trung ương báo cáo nội dung đối với bộ, cơ quan trung ương; các địa phương báo cáo nội dung đối với địa phương. Kho bạc Nhà nước các cấp báo cáo toàn bộ các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chi tiết từng đơn vị.

2. Đối với đối tượng cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ:

- Các ngân hàng chính sách báo cáo việc thanh toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi và phí quản lý, một số nội dung cụ thể:

+ Đối với vốn điều lệ, vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: các ngân hàng báo cáo trong mục thanh toán khối lượng hoàn thành (tại các cột số 9, 12 Biểu 01a/TTKHN; các cột số 11, 14 Biểu 01b/TTKHN) đối với phần vốn nhận từ ngân sách nhà nước.

+ Đối với việc cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý: các ngân hàng báo cáo trong mục thanh toán khối lượng hoàn thành (tại các cột số 9, 12 Biểu 01a/TTKHN; các cột số 11, 14 Biểu 01b/TTKHN) đối với phần vốn Bộ Tài chính đã tạm cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý trong năm.

+ Các ngân hàng không phải báo cáo số liệu chi tiết cho từng dự án.

- Ngân hàng nhà nước báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán vốn đầu tư cồng nguồn ngân sách nhà nước cấp bù lãi suất cho các ngân hàng thương mại. Các ngân hàng thương mại báo cáo theo các chỉ tiêu tương tự như các ngân hàng chính sách nêu trên.

- Vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ từ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được tổng hợp chung vào báo cáo thanh toán vốn đầu tư công hằng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

II. Các chỉ tiêu tại biểu số liệu:

1. Nhóm dự án (QTQG, A, B, C): Phân loại nhóm dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Mã số dự án đầu tư: Là mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách nhà nước được cơ quan tài chính cấp cho từng dự án theo quy định.

3. Vốn vế hoạch năm trước kéo dài: Là số vốn kế hoạch của năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thực hiện sang năm báo cáo.

4. Thanh toán vốn đầu tư công kế hoạch giao trong năm, kế hoạch kéo dài, kế hoạch ứng trước, kế hoạch trung hạn: Là số vốn thực tế đã được thanh toán qua KBNN và cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm soát, thanh toán (bao gồm cả vốn thanh toán khối lượng hoàn thành, vốn tạm ứng theo chế độ) theo từng loại kế hoạch vốn nêu trên được cấp có thẩm quyền giao trong năm kế hoạch hoặc trong giai đoạn trung hạn.

5. Số liệu thanh toán vốn nước ngoài:

5.1. Đối với báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:

- Vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: là số vốn nước ngoài đã kiểm soát chi và thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước qua Kho bạc Nhà nước đến thời điểm báo cáo.

- Vốn nước ngoài theo phương thức ghi thu ghi chi: là số vốn đã được cơ quan tài chính chấp thuận ký đơn rút vốn đến thời điểm báo cáo; riêng đối với phương thức thanh toán quan tài khoản đặc biệt chỉ tính số vốn theo các đơn rút vốn hoàn vốn đã chi tiêu từ tài khoản đặc biệt.

5.2. Đối với báo cáo của Kho bạc nhà nước:

- Vốn nước ngoài thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước: là số vốn ngoài nước đã kiểm soát chi và thanh toán theo cơ chế tài chính trong nước qua Kho bạc Nhà nước đến thời điểm báo cáo.

- Vốn nước ngoài theo phương thức ghi thu ghi chi: là số vốn Kho bạc Nhà nước kiểm soát, xác nhận làm cơ sở để chủ dự án rút vốn nước ngoài đến thời điểm báo cáo.

6. Vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn... (cột (5) Điều số 02/TTKHTH): Là số vốn đầu tư công kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: Là số vốn kế hoạch do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định: Là số vốn kế hoạch do bộ, cơ quan trung ương và địa phương lập theo quy định.

Tổng vốn kế hoạch giao hằng năm (cột (6) Biểu số 02/TTKHTH): Là tổng số vốn đầu tư công kế hoạch do bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao hằng năm trong giai đoạn trung hạn ((6) = (8) + (11) + (14) + (17) + (20)).

Vốn kế hoạch giao hằng năm (cột (8), (11), (14), (17), (20) Biểu số 02/TTKHTH): Là số vốn kế hoạch do bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao hằng năm.

7. Về xác định thời điểm chốt số báo cáo tình hình thanh toán vốn đầu tư công giữa kỳ trung hạn và cả giai đoạn trung hạn:

Báo cáo giữa kỳ trung hạn: Báo cáo lũy kế thanh toán vốn kế hoạch từ ngày 01 tháng 01 năm thứ nhất của giai đoạn trung hạn (bao gồm cả nguồn vốn thuộc giai đoạn trước và các năm trước chuyển sang) đến hết ngày 30 tháng 6 năm thứ ba của giai đoạn trung hạn.

Báo cáo cả giai đoạn trung hạn: Báo cáo ước kết quả thanh toán vốn kế hoạch từ ngày 01 tháng 01 năm thứ nhất của giai đoạn trung hạn (bao gồm cả nguồn vốn thuộc giai đoạn trước và các năm trước chuyển sang) đến hết ngày 31 tháng 1 năm đầu tiên của giai đoạn trung hạn tiếp theo.

8. Vốn ngân sách địa phương: nguồn ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã; báo cáo tổng số theo ngành, lĩnh vực.

9. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: là nguồn vốn bố trí cho các dự án đầu tư thuộc các ngành, lĩnh vực, chương trình theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo từng giai đoạn cụ thể (các đơn vị báo cáo theo đúng thứ tự quy định tại các văn bản nêu trên).

10. Vốn ngân sách trung ương bổ sung ngoài kế hoạch được giao: là vốn ngân sách trung ương bổ sung cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ các nguồn: tăng thu, dự phòng ngân sách trung ương (nếu có) chưa được giao trong kế hoạch năm.

11. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: là nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương để thực hiện các dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn (vốn trong nước, vốn nước ngoài) của từng chương trình.

12. Cơ quan ký xác nhận tại các biểu số liệu kèm theo Mẫu số 01/TTKHN, 02/TTKHTH:

- Báo cáo của bộ, cơ quan trung ương: Thủ trưởng cơ quan tài chính - kế hoạch thuộc Bộ, cơ quan trung ương.

- Báo cáo của địa phương: Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh.

Biểu số 01a/TTKHN

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM... - THÁNG...

(Kèm theo báo cáo số.... ngày… tháng… năm …của….)

Đơn vị triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
								Thanh toán khối lượng hoàn thanh	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	TỔNG SỐ														

*	**VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)**														
	(1) VỐN TRONG NƯỚC														
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI														
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG														
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:														
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài														
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài														
	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
*	**VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH (A.2+B.2)**														
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước														
A.1	**Vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước														
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực														
	Vốn trong nước														

	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
A.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	Bộ...														
I	**vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG														
	vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó.														
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	Theo cơ chế tài chính trong nước														

	Chương trình MTQG														
3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**														
II	**vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	Bộ...														
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
B.1	**Vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương														
2	Vốn ngân sách trung ương														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó.														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	-Theo cơ chế tài chính trong nước														

2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
B.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	TỈNH...														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
I	**Vốn NSNN**														
	vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước														
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)**														
2	**Vốn ngân sách trung ương**														
	Vốn trong nước														
	Vôn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**														
	Vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.2	**vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó.														
	- Theo cơ chế ghi *thu ghi chi*														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG														

	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	Theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG ...														
2.3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**														
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	TỈNH...														

Ghi chú:

Báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia theo thứ tự: Chương trình MTQG *xây* dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ HOẠCH/KBNN
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 01b/TTKHN

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM... - KỲ 6 THÁNG/1 NĂM

(Kèm theo báo cáo số… ngày …tháng ….năm của….)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm dự án (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết kỳ báo cáo							Vốn kế hoạch được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau
				Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được	Vốn kế hoạch giao trong năm			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài			Thanh toán vốn kế hoạch năm			
						Kế hoạch Thủ tướng	Kế hoạch bộ, cơ quan		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
										Thanh toán	Vốn tạm		Thanh toán	Vốn tạm	

					phép kéo dài (nếu có)	Chính phủ giao	trung ương/địa phương triển khai			khối lượng hoàn thành	ứng theo chế độ chưa thu hồi		khối lượng hoàn thành	ứng theo chế độ chưa thu hồi	
1	2	3	4	5=6+8	6	7	8	9=10+13	10=11+12	11	12	13=14+15	14	15	16
	TỔNG SỐ														
*	**VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)**														
	(1) VỐN TRONG NƯỚC														
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI														
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG														
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:														
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài														
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài														
	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
*	**VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH (A.2+B.2)**														
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
A.1	**Vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														

1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó;														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
A.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	Bộ...														
	Vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
I	**vốn NSNN**														
	vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi ***- Theo cơ chế tài chính trong nước***														
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
	- Ngành, lĩnh vực, Dự án														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi														

	Theo cơ chế tài chính trong nước														
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**														
	vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG...														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	Theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG ...														
3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**														
	Nguồn vốn …														
	Dự án...														
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của *cơ* quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	- Nguồn phí được để lại theo quy định của pháp luật (nếu có)														
	- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công (không bao gồm nguồn NSNN, nguồn phí)														
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp														
	- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)														
	Bộ...														
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**														
	vốn trong nước														
	vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
B.1	**Vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														

	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương														
2	Vốn ngân sách trung ương														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.3	vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
B.2	**vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														
	TỈNH…														
	vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
I	**Vốn NSNN**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh , cấp huyện, cấp xã)**														

	Ngành, lĩnh vực														
	Ngành, lĩnh vực...														
2	**Vốn ngân sách trung ương**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**														
a	**vốn trong nước**														
	- Ngành, lĩnh vực..														
	Dự án..														
b	**Vốn nước ngoài**														
(1)	Theo cơ chế ghi thu, ghi chi														
	- Ngành, lĩnh vực ..														
	Dự án...														
(2)	Theo cơ chế tài chính trong nước														
	- Ngành, lĩnh vực														
	Dự án..														
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó:														
	- Theo Cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo Cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG...														
	Vốn trong nước														
	Vốn nước ngoài, trong đó														
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi														
	- Theo cơ chế tài chính trong nước														
	Chương trình MTQG ...														
2.3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**														
	Nguồn vốn														
	Dự án...														
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**														

	- Nguồn phí được để lại theo quy định của pháp luật (nếu có)														
	- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công (không bao gồm nguồn NSNN, nguồn phí)														
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp														
	- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)														
	TỈNH...														

Ghi chú:

- Báo cáo 06 tháng: đơn vị báo cáo kết quả thanh toán từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6, không báo cáo cột 16.

- Báo cáo cả năm, đơn vị báo cáo kết quả thanh toán từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/01 năm sau năm kế hoạch

- Báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia theo thứ tự Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030.

- Báo cáo ngành, lĩnh vực vốn ngân sách trung ương theo thứ tự tại Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH ngày 08/7/2020 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 -2025.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ HOẠCH/KBNN
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số 01c/TTKHVU

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN KẾ HOẠCH ỨNG TRƯỚC – THÁNG…

(Kèm theo công văn số … ngày … tháng… năm …. Của…)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch ứng trước			Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề					Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
								Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước trong năm		Tổng số	Trong đó	
				Tổng số	vốn kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh	Vốn kế hoạch ứng trước được giao trong năm báo cáo	Tổng số	Tổng số	Trong đó	Tổng số	Trong đó		Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch ứng trước trong năm

					toán sang năm báo cáo				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8=9+12	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ (A+B)															
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**															
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Bộ...															
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
	Dự án...															
	Dự án …															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình															
	Chương trình...															
	Bộ...															
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**															
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	TỈNH...															
1	vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực															
	Dự án...															
	Dự án….															
2	vốn Chương trình mục tiêu quốc gia															
	Chương trình...															
	Chương trình...															
	TỈNH....															

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ HOẠCH/KBNN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 01d/TTKHVU

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ỨNG CHƯA THU HỒI – KỲ 6 THÁNG/ 1 NĂM ….

(Kèm theo công văn số … ngày… tháng… năm… của…)

Đơn Vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Địa điểm mở tài khoản	Mã Số dự án đầu tư	Lũy kế vốn ứng trước chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm báo cáo		Kế hoạch ứng trước được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm báo cáo		Thu hồi vốn ứng trước trong năm báo cáo		Vốn ứng trước trong năm báo cáo			Vốn ứng trước chưa thu hồi chuyển sang thu hồi vào các năm sau	
				Vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi	Lũy kế vốn đã thanh toán đến hết năm trước năm báo cáo	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn đã thanh toán đến hết 6 tháng/năm báo cáo	Vốn kế hoạch bố trí thu hồi	Số thu hồi trong 6 tháng/năm báo cáo theo kết quả thanh toán thực tế	Vốn kế hoạch ứng trước	Số vốn đa thanh toán đến hết 6 tháng/năm báo cáo	Vốn kế hoạch ứng được kéo dài thời hạn thanh toán sang năm sau*	vốn kế hoạch ứng trước chưa thu hồi*	Tổng số vốn đã thanh toán đến hết năm báo cáo*
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14=6+8-10+11	15=6+8-10+12
	TỔNG SỐ (A+B)													
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**													
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực													
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
I	Bộ...													
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực													
	Dự án...													
	Dự án...													
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
	Chương trình													
	Chương trình ...													
I	**BỘ...**													
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**													
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực													
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
	TỈNH...													
1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực													
	Dự án...													
	Dự án ...													
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia													
	Chương trình..													

	Chương trình..													
	TỈNH...													

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ HOẠCH/KBNN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú - Các cột 13, 14, 15 Chỉ thực hiện báo cáo đối với Báo cáo năm (không thực hiện đối với báo cáo 6 tháng)

Biểu 02/TTKTTH

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIỮA KỲ TRUNG HẠN, CẢ GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN

(Kèm theo báo cáo số … ngày… tháng… năm… của…)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Nhóm dự án (QTQG, A, B, C)	Mã số dự án đầu tư	Vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn	Tổng vốn kế hoạch giao hằng năm	Lũy kế vốn thanh toán giai đoạn ...	Vốn kế hoạch và thanh toán hằng năm													
							Năm thứ nhất			Năm thứ hai			Năm thứ ba			Năm thứ tư			Năm thứ năm	
							Vốn kế hoạch	Thanh toán vốn đến hết 31 tháng 01 năm sau	Thanh toán vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Vốn kế hoạch	Thanh toán vốn đến hết 31 tháng 01 năm sau	Thanh toán vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Vốn kế hoạch	Thanh toán vốn đến hết 31 tháng 01 năm sau	Thanh toán vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Vốn kế hoạch	Thanh toán vốn đến hết 31 tháng 01 năm sau	Thanh toán vốn được phép kéo dài sang năm sau (nếu có)	Vốn kế hoạch	Ước thanh toán vốn đến hết 31 tháng 01 năm sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG SỐ																			
*	**VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)**																			
	(1) VỐN TRONG NƯỚC																			
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI																			
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																			
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:																			
	vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài																			
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:																			
	Vốn trong																			

	nước																			
	Vốn nước ngoài																			
	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																			
*	**VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH (A.2+B.2)**																			
A	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
A.1	**Vốn NSNN**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
1	Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó																			
	- Theo cơ																			

	chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																			
A.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**																			
	Bộ...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
I	**Vốn NSNN**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	- Ngành, lĩnh vực..																			
	Dự án...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	Theo Cơ chế ghi thu ghi chi																			
	Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2	**Vốn**																			

	Chương trình mục tiêu quốc gia																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	Chương trình MTQG...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó.																			
	Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	Chương trình MTQG ...																			
3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**																			
	Nguồn vốn...																			
	Dự án..																			
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**																			
	- Nguồn phí được để lại (nếu có) theo quy định của pháp luật																			
	- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công (không bao gồm nguồn NSNN, nguồn phí)																			
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp																			
	- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)																			
	Bộ…																			
B	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**																			
	vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			

	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
B.1	**Vốn NSNN**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó;																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương																			
2	Vốn ngân sách trung ương																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2.1	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2.2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2.3	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao																			
B.2	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của *cơ* quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp**																			

	công lập dành để đầu tư theo quy định																			
	TỈNH...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
I	**Vốn NSNN**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)**																			
	Ngành, lĩnh vực...																			
	Ngành, lĩnh vực...																			
2	**Vốn ngân sách trung ương**																			
	Vốn trong nước																			
	vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																			
a	**Vốn trong nước**																			
	- Ngành, lĩnh vực...																			
	Dự án																			
b	**Vốn nước ngoài**																			
(1)	Theo cơ chế ghi thu, ghi chi																			
	- Ngành, lĩnh vực...																			
	Dự án...																			
(2)	Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	- Ngành, lĩnh vực																			

	...																			
	Dự án...																			
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó;																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	Chương trình MTQG...																			
	Vốn trong nước																			
	Vốn nước ngoài, trong đó:																			
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi																			
	- Theo cơ chế tài chính trong nước																			
	Chương trình MTQG ...																			
2.3	**Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao**																			
	Nguồn vốn...																			
	Dự án ….																			
II	**Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định**																			
	- Nguồn phí được để lại (nếu có) theo quy định của pháp luật																			
	- Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công (không bao gồm nguồn NSNN, nguồn phí)																			
	- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp																			
	- Nguồn thu từ hoạt động khác (nếu có)																			
	TỔNH...																			

Ghi chú:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN TÀI CHÍNH/KẾ HOẠCH/KBNN

- Báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia theo thứ tự Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030

- Báo cáo ngành, lĩnh vực vốn ngân sách trung ương theo thứ tự tại Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH ngày 08/7/2020 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 -2025.

- Tổng vốn kế hoạch giao hằng năm (cột 6) = cột 8 + cột 11 + cột 14 + cột 17 + cột 20

- Lũy kế vốn thanh toán giai đoạn (cột 7) = cột 9 + cột 10 + cột 12 + cột 13 + cột 15 + cột 16 + cột 18 +cột 19 +cột 21

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 03a/BTC

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC KẾ HOẠCH NĂM... - THÁNG...

(Kèm theo báo cáo số…ngày… tháng …năm của….)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch						Lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề						Ước lũy kế vốn thanh toán từ đầu năm đến hết tháng báo cáo					
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm				Tổng số		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm		Tổng số		Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài		Thanh toán vốn kế hoạch năm	
				Tổng số	Vốn kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Vốn kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai													
						Tổng số triển khai	Trong đó: KH ĐP triển khai tăng so với KH TTg giao	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3=4+5	4	5=6+8	6	7	8	9=11+13	10=9/3	11	12=11/4	13	14=13/5	15=17+19	16=15/3	17	18=17/4	19	20=19/5
	TỔNG SỐ (A)+(B) (1)+(2)																		
	(1) VỐN TRONG NƯỚC																		
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI																		
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG																		
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:																		
	Vốn NSTW																		

	đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó;																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
I	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**																		
	Vốn trong nước																		
	vốn nước ngoài																		
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2	**Vốn chương trình mục tiêu quốc gia**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Bộ...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	- Ngành, lĩnh vực ..																		
	Dự án...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG ...																		
	Bộ...																		
II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước																		

	ngoài																		
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương**																		
2	**Vốn ngân sách trung ương**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	TỈNH...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương**																		
	Ngành, lĩnh vực...																		
	Ngành, lĩnh vực...																		
2	**Vốn ngân sách trung ương**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**																		
a	Vốn trong nước																		
	- Ngành, lĩnh vực...																		
	Dự án...																		
b	Vốn nước ngoài																		
	- Ngành, lĩnh vực...																		
	Dự án...																		
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG...																		
	Vốn trong nước																		
	Vốn nước ngoài																		
	Chương trình MTQG ...																		
	TỈNH...																		

Ghi chú:

- Hằng tháng báo cáo theo tổng số từng nguồn vốn

- 6 tháng, cả năm báo cáo chi tiết dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương (riêng Chương trình mục tiêu quốc gia báo cáo theo tổng số từng chương trình)

Biểu 03b/BTC

BỘ TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIỮA KỲ TRUNG HẠN, CẢ GIAI ĐOẠN TRUNG HẠN

(Kèm theo báo cáo số....ngày ...tháng... năm của....)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng vốn kế hoạch trung hạn giai đoạn...	Tổng vốn kế hoạch đã giao hằng năm đến...	Lũy kế vốn thanh toán đến...	
				Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4	5	6=5/4
	TỔNG SỐ (A)+(B) (1)+(2)				
	(1) VỐN TRONG NƯỚC				
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI				
	(A) VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:				
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
I	**DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ**				
	vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**				

	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Bộ...				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
1	**Vốn NSNN đầu tư theo ngành, lĩnh vực**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	- Ngành, lĩnh vực...				
	Dự án...				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
2	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Chương trình MTQG...				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Chương trình MTQG ...				
	BỘ...				
II	**DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương**				
2	**Vốn ngân sách trung ương**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	TỈNH...				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
1	**Vốn cân đối ngân sách địa phương**				
	Ngành, lĩnh vực...				

	Ngành, lĩnh vực…				
2	**Vốn ngân sách trung ương**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
2.1	**Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực**				
a	Vốn trong nước				
	- Ngành, lĩnh vực...				
	Dự án...				
b	Vốn nước ngoài				
	- Ngành, lĩnh vực...				
	Dự án...				
2.2	**Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia**				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Chương trình MTQG…				
	Vốn trong nước				
	Vốn nước ngoài				
	Chương trình MTQG ...				
	TỈNH...				